

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

(Trích)

NGUYỄN TUÂN^(*)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Tây Bắc qua hình ảnh sông Đà và người lái đò sông Đà.*
- *Thấy được sự độc đáo, tài hoa, uyên bác, sự giàu có về chữ nghĩa của Nguyễn Tuân và phần nào phong cách nghệ thuật của nhà văn qua đoạn trích.*

TIỂU DẪN

Người lái đò Sông Đà (in lần đầu có tên *Sông Đà*) rút từ tập tùy bút *Sông Đà* của Nguyễn Tuân xuất bản lần thứ nhất năm 1960. *Sông Đà* gồm mười lăm bài tùy bút và một bài thơ phác thảo. Tác phẩm cho ta thấy sự giàu có về tài nguyên và phong cảnh tuyệt vời của miền Tây Tổ quốc. *Sông Đà* còn tìm đến vẻ đẹp của con người Tây Bắc. Nguyễn Tuân gọi đó là "chất vàng mười" của tâm hồn. Nhà văn ngược dòng lịch sử, dựng lại những tấm gương anh hùng của các chiến sĩ cách mạng ở nhà tù Sơn La, những cán bộ hoạt động hồi Tây Bắc bị giặc chiếm, những bộ đội, dân công trong chiến dịch Điện Biên,... Tác giả lại trở về hiện tại, tìm đến những lớp người đi mở đường kiến thiết Tây Bắc, những gia đình lên Điện Biên lập nghiệp, những cán bộ địa chất đi tìm quặng mỏ, những chiến sĩ biên phòng bảo vệ biên giới miền Tây, những người lái đò dũng cảm và tài ba trên thác dữ sông Đà, v.v.

Bài *Người lái đò Sông Đà* là một trong những áng văn tiêu biểu nhất của tập *Sông Đà*.

*
* *
*

(*) Về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Tuân, xem bài *Nguyễn Tuân* ở trang 164.

"Đẹp vậy thay, tiếng hát trên dòng sông"

(Wladyslaw Broniewski^(*))

"Chúng thủy giai đông tấu - Đà giang độc bắc lưu"⁽¹⁾

(*Lược phần đầu* : Tác giả trình bày mục đích chuyến đi thực tế Tây Bắc và sông Đà của mình chủ yếu là để tìm hiểu những con người ở đây mà ông gọi "thứ vàng mười đã qua thử lửa" của cách mạng và kháng chiến, hiện nay đang góp phần vào việc kiến thiết Tây Bắc. Tiếp đó, tác giả giới thiệu tài trí tuyệt vời của những người lái đò sông Đà trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh và liệt kê một loạt con thác sông Đà từ Vạn Yên về xuôi, trong đó có những con thác vô cùng "độc dữ, nham hiểm". Đáng sợ nhất là những cái hút nước "xoáy tít đáy" giữa lòng sông từng dìm xuống và xé tan xác những bè gỗ, những con thuyền vô ý bị nó lôi tuột xuống...).

Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đứng ngo⁽²⁾ mới có mặt trời. Có chỗ vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt⁽³⁾ bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất⁽⁴⁾ tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạt đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực.

(*) Wladyslaw Broniewski (Vla-di-xláp Brô-ni-ép-xki, 1897 - 1962) : nhà thơ cách mạng Ba Lan.

(1) "Chúng thủy giai đông tấu - Đà giang độc bắc lưu" : Mọi dòng sông đều chảy về đông - Chỉ có một sông Đà theo hướng bắc (thơ Nguyễn Quang Bích).

(2) Đứng ngo : giữa trưa.

(3) Đòi nợ xuýt : đòi người không mắc nợ mình một cách vô lí.

(4) Khinh suất : không thận trọng.

Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi ngênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông⁽¹⁾ dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dùng cảm dấm ngòi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà – từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée⁽²⁾ lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan up vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoáy tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngòi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hằng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. Nhìn cái thiên nhiên ấy, có những lúc thấy nó không "thơ đời Đường" nhàn hạ⁽³⁾, mà thấy nó chính là một cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Tôi xin ghi ở đoạn này cái hình ảnh chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường Sông Đà, trên một quãng thủy chiến ở mặt trận Sông Đà.

[...] Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gân mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuồng⁽⁴⁾ rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xoá cả một chân trời đá.

(1) *Khuỷnh sông* : chỗ sông gấp khúc, uốn quanh lại.

(2) *Contre-plongée* (tiếng Pháp, đọc là công-tơ-rơ plông-giê) : thuật ngữ điện ảnh, có nghĩa là quay ngược ống kính lên mà ghi hình.

(3) Gọi về đẹp của bài thơ *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* của Lý Bạch.

(4) *Phá tuồng* : phá để thoát ra.

Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng âm âm mà quanh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhò vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhóm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung tí lên như tuyền-bin⁽¹⁾ thuỷ điện nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xoá càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận⁽²⁾ trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sông luồng mới đánh khuỷp quật vu hồi⁽³⁾ lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong-ke⁽⁴⁾ chìm và pháo đài nổi ở tuyến ba phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thuỷ thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện⁽⁵⁾ cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. Ông đồ hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo vỡ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đồ đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo bạt⁽⁶⁾. Sóng thác đã đánh đến

(1) *Tuyền-bin* (phiên âm từ tiếng Pháp *turbine*) : máy quay tốc độ cao, dùng sức nước để phát điện ở nhà máy thuỷ điện.

(2) *Thạch trận* : trận đá. Tác giả tưởng tượng đá sông Đà giăng ra như bày trận đón đánh người lái đò.

(3) *Vu hồi* : quanh lại, đánh quật trở lại.

(4) *Boong-ke* (phiên âm từ tiếng Pháp *bunker*) : công sự phòng thủ kiên cố xây ngầm.

(5) *Thanh viện* : hỗ trợ bằng âm thanh.

(6) *Thanh la, náo bạt* : nhạc cụ bộ gõ bằng đồng tạo âm thanh náo nhiệt (còn gọi là *phèng la, chũm chọe*).

miếng đòn độc hiểm nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí⁽¹⁾ ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò [...]. Mặt sông trong tích tắc loà sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ừa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng⁽²⁾, đánh đòn tia, đánh đòn âm⁽³⁾ vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến⁽⁴⁾ của nước, của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tinh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi⁽⁵⁾ thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải⁽⁶⁾ nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùng beo đang hồng học tế mạnh⁽⁷⁾ trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn văng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vượn mình

(1) *Vô sở bất chí* : không nơi nào không tới được.

(2) *Đánh hồi lùng* : đánh dồn dập.

(3) *Đòn âm* : đòn ngầm.

(4) *Hỗn chiến* : đánh nhau loạn xạ.

(5) *Trùng vi* : vòng vây nhiều lớp.

(6) *Ái* : chỗ thất lại, hiểm trở.

(7) *Tế mạnh* : phi mạnh, lao mạnh.

vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam⁽¹⁾ và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh⁽²⁾, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá tủa ra đây tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi. Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với Sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo.



Thượng nguồn sông Đà (Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam)

Trên Sông Đà, thỉnh thoảng có tàu bay lượn vòng ở quãng này ở quãng khác, có lẽ để chỉnh lí về bản đồ đất nước Tổ quốc. Tôi nghĩ nếu sau này làm phim truyện hoặc phim kí sự (tôi không muốn dùng mấy chữ *phim tài liệu*) màu về Sông Đà, nếu muốn phản ánh lên cái dữ tợn và cái lớn của Sông Đà của thác Sông Đà,

(1) *Cơm lam* : cơm nấu bằng ống nứa hay ống vầu thay cho nồi – một cách nấu cơm ở một số vùng dân tộc thiểu số.

(2) *Cá anh vũ, cá dầm xanh* : hai loài cá quý hiếm chỉ có ở chỗ hợp lưu một số sông vùng trung du Bắc Bộ, đặc biệt là ở ngã ba Việt Trì, nơi sông Thao, sông Đà, sông Lô đổ vào sông Hồng. Cá anh vũ giống cá chép, vây xanh đậm, hai bên sườn màu hồng, thịt trắng ăn rất ngon. Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, cá anh vũ theo sông Hát Giang đi về phía nam. Ngày xưa, người ta thường tiến cống cá anh vũ để vua dùng hoặc cúng tế.

cũng phải đưa ống quay phim lên tàu bay. Cho bay là là trên thác mà gi máy xuống mà lượn ống máy theo những luồng sinh của thác, trên thác hiên ngang một người lái đò Sông Đà có tự do, vì người lái đò ấy đã nắm được cái quy luật tất yếu của dòng nước Sông Đà.

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh "Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm báo oán đời đời đánh ghen". Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen⁽¹⁾ như thực dân Pháp đã đề ngựa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gọi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gọi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi "Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu"⁽²⁾. Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông,

(1) *Sông Đà là đen* : người Pháp gọi sông Đà là sông Đen (*Rivière Noire*).

(2) "*Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu*" : câu thơ của Lý Bạch trong bài tuyệt cú nổi tiếng *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* ; dịch nghĩa : "Xuôi về Dương Châu giữa tháng ba mùa hoa nở rộ".

vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó dầm dề ẩm ẩm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chướng, chốc dậu dàng đấy, rồi chốc lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ – Yên Bái – Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành : "Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương ?". Đàn cá dầm xanh quẩy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mắt đàn hươu vọt biển. Thuyền tôi trôi trên "Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh - Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình" của "một người tình nhân chưa quen biết" (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên.

(Lược phân kết : Tác giả cung cấp những thông tin về lịch sử, địa lí của sông Đà và lịch sử đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Tây Bắc, từ cuộc chiến đấu dưới lá cờ Cần vương của Chánh sứ sơn phòng Nguyễn Quang Bích "Lòng trung không nỡ bỏ Tây Châu - Giữ lấy Thao, Đà dải thượng lưu", từ cuộc nổi dậy của năm trăm phu vận tải người Thái chở thóc kho cho thực dân Pháp đã dùng mái chèo đánh lính áp tải, cướp thóc kho và đi theo Việt Minh, đến phong trào đấu tranh trong lòng địch của đồng bào các dân tộc Tây Bắc thời kháng chiến chín năm... Cuối cùng, tác giả trở về hiện tại, báo tin vui về kế hoạch cải tạo sông Đà sắp được khởi công, bắt con sông dữ phải phục vụ cho cuộc sống của nhân dân Tây Bắc).

1960

(Nguyễn Tuân, Toàn tập, tập IV,
NXB Văn học, Hà Nội, 2000)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, sông Đà như một "nhân vật" có hai tính cách mâu thuẫn nhau : "hung bạo" và "trữ tình". Dựa vào cách quan sát và diễn tả đó của nhà văn, có thể chia đoạn trích làm mấy phần ? Nội dung khái quát của mỗi phần là gì ?
2. Hãy phân tích và chứng minh những phương diện khác nhau của tài nghệ Nguyễn Tuân trong việc mô tả tính chất "hung bạo" của thác dữ sông Đà. (Gợi ý : Trí tưởng tượng phong phú, khả năng quan sát tinh tường bằng nhiều giác quan, những liên tưởng so sánh có sức diễn tả chính xác và sắc sảo).
3. Tác giả đã dùng biện pháp gì để diễn tả được phẩm chất trí dũng tuyệt vời của người lái đò sông Đà ?
4. Diễn tả vẻ đẹp "trữ tình" của sông Đà, tác giả đã chuyển giọng văn như thế nào ? Những quan sát, phát hiện về sông Đà và những liên tưởng, so sánh có gì khác với đoạn văn nói về "sự hung bạo" của con sông này ?
5. Hãy cho biết để viết được đoạn trích, tác giả phải vận dụng những tri thức của các ngành văn hoá, nghệ thuật nào. Hiệu quả thẩm mỹ đạt được ra sao ?
6. Qua đoạn trích, anh (chị) có nhận xét gì về đặc điểm phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân ?

BÀI TẬP NÂNG CAO

So sánh hai tác phẩm của Nguyễn Tuân viết trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 : *Chữ người tử tù* và *Người lái đò Sông Đà*, anh (chị) có nhận xét gì về chỗ giống nhau, khác nhau trong tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Tuỳ bút

Tuỳ bút thuộc thể loại kí. Nói chung, kí không được hư cấu nhưng cần đến trí tưởng tượng để tái hiện sự thật một cách sinh động.

Tuỳ bút có những đặc điểm riêng :

- Tự do, phóng túng, hầu như không có luật lệ, quy phạm gì chặt chẽ.
- Tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm, nhân vật chính là *cái tôi* của nhà văn (Nguyễn Tuân gọi tuỳ bút là "chơi lối độc tấu"). Cho nên sự hấp dẫn của tuỳ bút chủ yếu là sự hấp dẫn của *cái tôi* ấy (phong phú, uyên bác, sâu sắc, độc đáo, tài hoa và có duyên đến mức nào). Tuỳ theo *cái tôi* của tác giả mà tuỳ bút có loại thiên về triết lí, có loại thiên về thông tin khoa học (về văn hoá, văn học, lịch sử hay phong tục), có loại thiên về mô tả phong cảnh, v.v. Cũng có loại thuần tuý trữ tình.